



Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Trần Thị Như Quỳnh

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Khuyến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 10/11/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 27/12/2024

Ngày nhận đăng: 29/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giá trị sống

Quản lý hoạt động giáo dục

Học sinh trung học cơ sở.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống (GDGTS) cho học sinh (HS) ở các trường trung học cơ sở (THCS) thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Tổng cộng có 145 cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) tự nguyện tham gia nghiên cứu này. Để thu thập dữ liệu, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và sử dụng phần mềm SPSS để tính điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng việc quản lý hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk chủ yếu được thực hiện từ thỉnh thoảng đến thường xuyên và đạt hiệu quả từ ít đến khá. Trên cơ sở thực trạng này, bài báo đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên của khoa học và công nghệ. Bối cảnh đó, đòi hỏi con người phải biết ứng phó với sự thay đổi của xã hội, vì vậy GDGTS cho thanh thiếu niên là vấn đề được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm (Nguyễn và cộng sự, 2011).

Báo cáo Giám sát toàn cầu giáo dục đã đề cập đến các mục tiêu giáo dục chung. Những mục tiêu này cho thấy mỗi quốc gia cần đảm bảo cho người học được tiếp cận các chương trình GDGTS phù hợp là một tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục. Chương trình GDGTS dành cho HS giúp các em từng bước củng cố lòng tự trọng, sự tin tưởng vào bản thân và người khác, từ đó có sự chuyển đổi tích cực về hành vi ứng xử với môi trường sống và xã hội (Trần, 2015). GDGTS giúp HS có được những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống hiện tại và tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh giao dịch và đào tạo (GD&ĐT) của tất cả các quốc gia đang chịu tác động sâu sắc toàn diện của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật kết nối Internet. Như vậy, giáo dục trong xu hướng hiện nay không chỉ hướng vào mục tiêu tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, mà còn hướng đến mục tiêu phát triển đầy đủ và tự do giá trị của mỗi cá nhân giúp cho con người có năng lực để cống hiến, đồng thời có năng lực để sống một cuộc sống có chất lượng và hạnh phúc (Diane Tillman, 2010). Vì thế GDGTS cho người học đang trở thành một nhiệm vụ quan trọng đối với giáo dục các nước.

Mục tiêu của đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT nước ta là xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống GD&ĐT. Nghị quyết số 29/NQ - TW Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” tiếp tục khẳng định đổi mới

Tác giả liên hệ: Trần Thị Như Quỳnh;

Địa chỉ e-mail: nhuquynh28111997@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.121.2025>

nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông (GDPT), gắn hoạt động dạy học kiến thức môn học với tổ chức giáo dục các giá trị sống (GTS) cần thiết cho HS (Đảng cộng sản Việt Nam, 2013). Đến Đại hội XIII của Đảng, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 đã nhấn mạnh: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)” (Đảng cộng sản Việt Nam, 2021). Như vậy, vấn đề GDGTS cho người học đã được Đảng và Nhà nước đề cập đến trong các văn bản mang tính chiến lược, để khẳng định thêm vai trò của GTS đối với thế hệ trẻ.

Ở trường THCS, HS có độ tuổi từ 11 đến 15 tuổi, đang có những phát triển nhanh chóng về thể chất, trí tuệ, tâm lý và nhân cách. Vì vậy, HS là đối tượng cần được trang bị những GTS. Trên thực tế, một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên HS hiện nay chưa được định hướng đúng đắn về các GTS của bản thân, chưa xác định được vai trò trách nhiệm của mình đến gia đình, xã hội, và cuộc sống bản thân. Nhiều HS có những biểu hiện hành vi, đạo đức xa rời lối sống, thuần phong mỹ tục tốt đẹp của dân tộc. Tình trạng bạo lực, lạm dụng, sống buông thả, ứng xử thiếu văn hóa, thiếu tôn trọng người khác cũng như thiếu ý thức bảo vệ môi trường ngày càng đáng báo động ...nguyên nhân chính cũng từ sự thiếu hụt các GTS của HS (Nguyễn, 2012).

Trong những năm qua, hoạt động GDGTS và công tác quản lý hoạt động GDGTS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã được thực hiện và đạt những kết quả tích cực, tuy nhiên cũng tồn tại không ít hạn chế, bất cập. Do đó, một trong những nhiệm vụ cấp thiết là cần phải tìm hiểu, đánh giá thực trạng để đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDGTS ở các trường THCS nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập, giải quyết những hạn chế, phát huy tốt hoạt động GDGTS trong việc phát triển toàn diện nhân cách cho HS, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành khảo sát trên 25 CBQL, 120 GV của 5 trường THCS công lập trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (trường THCS Phan Chu Trinh; trường THCS Hàm Nghi; trường THCS Lương Thế Vinh; trường THCS Phan Bội Châu; trường THCS Tân Lợi).

Phương pháp nghiên cứu chủ đạo là điều tra thông qua bảng hỏi nhằm thu được những dữ liệu của các đối tượng trực tiếp hoặc có liên quan đến quản lý hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5. Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính ĐTB, ĐLC và tỉ lệ % của mỗi nội dung qua phần mềm SPSS 26.0. Áp dụng công thức tính giá trị khoảng cách (Maximum – Minimum)/n cho giá trị $(5-1)/5 = 0,8$. Theo đó, giá trị các khoảng như sau: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$: Không bao giờ/ Hoàn toàn không hiệu quả; $1,81 \leq \text{ĐTB} \leq 2,60$: Hiếm khi/ Không hiệu quả; $2,61 \leq \text{ĐTB} \leq 3,40$: Thỉnh thoảng/ Ít hiệu quả; $3,41 \leq \text{ĐTB} \leq 4,20$: Thường xuyên/ Khá hiệu quả; $4,21 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$: Rất thường xuyên/ Rất hiệu quả.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Để tổ chức hoạt động GDGTS có hiệu quả, CBQL phải thực hiện việc quản lý mục tiêu của hoạt động này. Thực trạng về mức độ thực hiện và hiệu quả của quản lý mục tiêu hoạt động GDGTS được thể hiện ở bảng 1:

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý mục tiêu hoạt động GDGTS ở trường THCS

Stt	Quản lý mục tiêu	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo xác định rõ mục tiêu GDGTS cho HS.	4,14	0,773	4,09	0,754
2	Tổ chức, triển khai quán triệt mục tiêu của hoạt động giáo dục GDGTS cho HS tới toàn thể GV, nhân viên của nhà trường.	3,92	0,688	3,86	0,623
3	Xác định các hoạt động, các nguồn lực hỗ trợ hoạt động GDGTS cho HS để đạt mục tiêu đề ra.	4,04	0,789	4,00	0,773
4	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu của hoạt động GDGTS cho HS.	3,90	0,581	3,83	0,624
5	Chỉ đạo điều chỉnh hoạt động GDGTS cho HS theo mục tiêu đề ra.	2,85	0,828	3,22	0,731
6	Dựa vào mục tiêu xác định, đánh giá kết quả GDGTS cho HS.	3,48	0,614	3,30	0,579

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy công tác quản lý mục tiêu của hoạt động GDGTS đã được CBQL thực hiện. Mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện của đa số nội dung khảo sát đều đạt ở mức thực hiện từ bình thường đến thường xuyên (với ĐTB từ 2,85 đến 4,14) và mang lại hiệu quả từ ít đến khá (với ĐTB từ 3,22 đến 4,09). Trong đó, “Chỉ đạo xác định rõ mục tiêu GDGTS cho HS” được CBQL và GV đánh giá là thực hiện thường xuyên (ĐTB = 4,14) và hiệu quả khá (ĐTB = 4,09). Hiệu trưởng có vai trò lãnh đạo trong việc xác định mục tiêu GDGTS cho HS, từ đó định hướng chiến lược và phát triển toàn diện cho công tác giáo dục tại nhà trường. Bằng cách xác định rõ mục tiêu GDGTS, hiệu trưởng đảm bảo rằng các hoạt động giáo dục tại nhà trường liên tục và nhất quán, từ đó tạo ra một môi trường học tập ổn định và hiệu quả cho HS. Ngoài ra, mục tiêu GDGTS được xác định rõ ràng giúp hiệu trưởng có thể định hướng và hỗ trợ GV và nhân viên trường trong việc thực hiện chương trình giáo dục theo hướng phát triển đạo đức và giá trị nhân văn cho HS. Tiếp theo, “Xác định các hoạt động, các nguồn lực hỗ trợ hoạt động GDGTS cho HS để đạt mục tiêu đề ra” được thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả khá (Mức độ thực hiện: ĐTB = 4,04; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 4,00). Xác định các hoạt động và nguồn lực giúp nhà trường và các cơ quan liên quan có thể tập trung và phân bổ tài nguyên hiệu quả hơn để đạt được mục tiêu GDGTS đã đề ra. Bên cạnh đó, việc xác định trước các nguồn lực cần thiết cho GDGTS giúp hiệu trưởng biết cách sử dụng hiệu quả ngân sách, thời gian và nhân lực, từ đó đảm bảo sự bền vững và hiệu quả của các hoạt động giáo dục.

Đồng thời, công tác “Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu của hoạt động GDGTS cho HS” cũng được ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quan tâm thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả khá (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,90; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,83). Qua việc kiểm tra và giám sát, nhà trường có thể đánh giá được mức độ thực hiện các mục tiêu GDGTS, từ đó đảm bảo rằng chất lượng giáo dục được cải thiện và phát triển liên tục. Nhờ vào việc kiểm tra và giám sát, nhà trường có thể đánh giá được hiệu quả của các hoạt động GDGTS. Kết quả đánh giá này cung cấp thông tin cần thiết để điều chỉnh kế hoạch và các hoạt động trong tương lai để đạt được kết quả tốt nhất.

Tuy nhiên, các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk chỉ bình thường thực hiện việc “Chỉ đạo điều chỉnh hoạt động GDGTS cho HS theo mục tiêu đề ra” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 2,85; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,22). Mức độ hiệu quả của công tác này cũng chỉ ở mức “ít hiệu quả”. Mức độ thực hiện và hiệu quả của việc “Chỉ đạo điều chỉnh hoạt động GDGTS cho HS theo mục tiêu đề ra” ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột còn thấp, phản ánh sự thiếu chủ động và chưa đủ kiên trì trong công tác này. Nguyên nhân có thể do thiếu nguồn lực, thiếu đánh giá và điều chỉnh kịp thời, cũng như sự thiếu quan tâm từ lãnh đạo và đội ngũ giáo viên. Để nâng cao hiệu quả, cần tăng cường công tác chỉ đạo và phối hợp giữa các bên liên quan.

3.2. Thực trạng quản lý nội dung hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Thực trạng về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện nội dung hoạt động GDGTS được thể hiện ở bảng 2:

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý nội dung hoạt động GDGTS ở trường THCS

Stt	Quản lý nội dung	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Định hướng cho GV lựa chọn và thực hiện nhiều nội dung GDGTS cho HS THCS	3,79	0,810	3,72	0,814
2	Tổ chức cho GV trao đổi, góp ý về nội dung GDGTS cho HS THCS	3,96	0,807	3,90	0,802
3	Tổ chức triển khai nội dung GDGTS cho HS.	3,32	0,633	3,33	0,624
4	Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh nội dung GDGTS cho HS	3,63	0,789	3,61	0,766
5	Xây dựng kế hoạch phát triển nội dung GDGTS cho HS.	2,30	0,605	2,37	0,705

Kết quả khảo sát ở bảng số liệu 2 cho thấy, ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quan tâm đến việc quản lý nội dung hoạt động GDGTS. Tuy nhiên, mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của các nội dung được khảo sát là không đồng đều. Cụ thể như sau:

Nội dung được thực hiện thường xuyên và hiệu quả nhất là: “Tổ chức cho GV trao đổi, góp ý về nội dung GDGTS cho HS THCS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,96; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,90). Thông qua việc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, các GV sẽ có thêm vốn kiến thức tổ chức hoạt động GDGTS cho HS, đồng thời đề xuất thêm nhiều nội dung giáo dục mới đáp ứng yêu cầu của nhà trường. Do đó, để nâng cao hiệu quả GDGTS, việc tổ chức cho GV có nhiều cơ hội trao đổi, chia sẻ các nội dung liên quan đến GTS là hết sức cần thiết.

Nội dung tiếp theo cũng được thực hiện ở thường xuyên và đạt ở mức khá hiệu quả là: “Định hướng cho GV lựa chọn và thực hiện nhiều nội dung GDGTS cho HS THCS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,79; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,72). Khi có định hướng rõ ràng về GDGTS, GV sẽ có nền tảng và phương pháp cụ thể để lồng ghép GTS vào các bài giảng và hoạt động giáo dục. Điều này giúp nâng cao hiệu quả giáo dục và tạo ra sự thống nhất trong việc giáo dục HS.

Các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cũng đã thường xuyên thực hiện và đạt hiệu quả khá trong việc “Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh nội dung GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,63; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,61). Xã hội luôn thay đổi và phát triển, kéo theo đó là những GTS cũng có thể thay đổi. Việc rà soát và điều chỉnh nội dung GDGTS giúp đảm bảo rằng các giá trị được giáo dục luôn phù hợp và đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện tại. Bên cạnh đó, nội dung GDGTS cần phải thiết thực và gắn liền với cuộc sống của HS. Việc thường xuyên rà soát và bổ sung giúp đảm bảo rằng những GTS được giáo dục có tính ứng dụng cao và có thể được HS áp dụng trong cuộc sống hàng ngày.

Tuy nhiên, nội dung quản lý “Tổ chức triển khai nội dung GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,32; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,33) chỉ thực hiện ở mức “thỉnh thoảng” và kết quả thực hiện là ít hiệu quả. Thậm chí, các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk “hiếm khi” thực hiện công tác “Xây dựng kế hoạch phát triển nội dung GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 2,30; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 2,37). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên có thể bắt nguồn từ sự thiếu chủ động và tập trung vào công tác quản lý GDGTS trong các trường THCS. Các hoạt động liên quan đến tổ chức triển khai nội dung GDGTS và xây dựng kế hoạch phát triển giá trị sống cho học sinh chưa được thực hiện thường xuyên do thiếu nguồn lực, thời gian, và sự quan tâm đầy đủ từ phía CBQL. Ngoài ra, việc thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan và sự chưa đầy đủ về phương pháp triển khai cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động này. Điều này đòi hỏi CBQL cần phải chú trọng hơn nữa đến việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch GDGTS một cách liên tục và hiệu quả.

3.3. Thực trạng quản lý phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Thực trạng quản lý phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS ở trường THCS

Stt	Quản lý phương pháp	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Bồi dưỡng cho GV về phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS cho HS.	3,88	0,829	3,70	0,828
2	Tổ chức dự giờ và trao đổi kinh nghiệm về phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS cho HS	3,73	0,966	3,66	0,938
3	Động viên, hỗ trợ GV phối hợp linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS.	3,54	0,972	3,59	0,902
4	Khuyến khích GV đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS nhằm tạo ra sự hấp dẫn, hứng thú cho HS.	3,44	0,825	3,57	0,799
5	Tổ chức các cuộc thi, viết sáng kiến kinh nghiệm về phương pháp GDGTS cho HS.	3,31	0,917	3,29	0,897
6	Sử dụng kết quả thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GDGTS để đánh giá, xếp loại thi đua GV.	3,62	0,678	3,52	0,688

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy công tác quản lý phương pháp hoạt động GDGTS đã được thực hiện, đa số các nội dung quản lý được thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả khá. Tuy nhiên, vẫn còn nội dung khảo sát chỉ đạt ở mức thỉnh thoảng và ít hiệu quả. Cụ thể như sau:

Nội dung được thực hiện thường xuyên và đạt mức khá hiệu quả là “Bồi dưỡng cho GV về phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS cho HS.” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,88; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,70). Việc bồi dưỡng, tập huấn cho GV về phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS là hết sức cần thiết. Nhà trường có thể tổ chức bồi dưỡng cho GV hoặc tạo điều kiện cho các GV tham gia các lớp bồi dưỡng về phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS.

Tiếp theo là “Tổ chức dự giờ và trao đổi kinh nghiệm về phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS cho HS” có mức độ thực hiện thường xuyên và kết quả thực hiện khá hiệu quả (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,73; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,66). Thông qua việc dự giờ, các GV có thể chia sẻ, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm làm phong phú thêm vốn kiến thức của chính mình và đồng nghiệp.

Công tác “Sử dụng kết quả thực hiện đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS để đánh giá, xếp loại thi đua GV” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,62; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,52) được các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thực hiện thường xuyên và khá hiệu quả. Khi kết quả đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS được dùng để đánh giá, xếp loại thi đua, GV sẽ có động lực để tìm kiếm và áp dụng các phương pháp giáo dục mới, sáng tạo. Điều này giúp nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển toàn diện HS. Ngoài ra, việc sử dụng kết quả thực hiện đổi mới để đánh giá GV giúp đảm bảo rằng quá trình giáo dục không ngừng cải tiến và cập nhật. Điều này tạo ra một môi trường học tập tiên tiến và hiệu quả, giúp HS tiếp thu kiến thức và GTS một cách tốt nhất.

Tiếp theo, các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã thường xuyên thực hiện và thực hiện khá hiệu quả việc “Động viên, hỗ trợ GV phối hợp linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động GDGTS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,54; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,59). Khi GV được động viên và hỗ trợ trong việc phối hợp các phương pháp giảng dạy, họ sẽ có nhiều công cụ và kỹ thuật hơn để tiếp cận HS. Điều này giúp tăng cường hiệu quả giáo dục GTS, giúp HS tiếp thu và áp dụng những giá trị này vào cuộc sống.

Tuy nhiên, theo đánh giá của CBQL và GV, nội dung “Tổ chức các cuộc thi, viết sáng kiến kinh nghiệm về phương pháp GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,31; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,29) chỉ được thực hiện ở mức “thỉnh thoảng” và kết quả thực hiện là ít hiệu quả. Khi không có các cuộc thi và cơ hội chia sẻ sáng kiến, GV có thể thiếu động lực để đổi mới và cải thiện phương pháp giáo dục. Điều này dẫn đến sự trì trệ và thiếu sáng tạo trong việc GDGTS. Bên cạnh đó, việc không có các hoạt động này sẽ làm giảm cơ hội để GV học hỏi và áp dụng các phương pháp tiên tiến. Kết quả là chất lượng GDGTS cho HS có thể không được nâng cao, ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của HS.

3.4. Thực trạng quản lý các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Thực trạng quản lý hình thức tổ chức hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý các hình thức tổ chức hoạt động GDGTS ở trường THCS

Stt	Quản lý hình thức	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo việc lựa chọn hình thức GDGTS cho HS phù hợp với nội dung.	3,89	0,602	3,61	0,614
2	Khuyến khích GV đa dạng hoá các hình thức GDGTS phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS.	4,07	0,714	3,85	0,691
3	Chỉ đạo bồi dưỡng cho GV các hình thức GDGTS phù hợp với nội dung, phương pháp, khả năng tiếp nhận của HS.	3,99	0,640	3,51	0,567
4	Chỉ đạo các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, GV, nhân viên,... chuẩn bị các điều kiện cần thiết trong quá trình triển khai các hình thức GDGTS cho HS.	3,28	0,583	3,20	0,596
5	Giám sát việc thực hiện các hình thức GDGTS cho HS.	3,28	0,752	3,06	0,743
6	Tổ chức khảo sát, đánh giá hiệu quả của các hình thức GDGTS cho HS để điều chỉnh cho phù hợp.	3,86	0,754	3,76	0,748

Bảng 4 cho thấy công tác quản lý các hình thức tổ chức hoạt động GDGTS cho HS đã được thực hiện từ thành thạo đến thường xuyên (ĐTB từ 3,28 đến 4,07) và kết quả thực hiện từ ít hiệu quả đến khá hiệu quả (ĐTB từ 3,06 đến 3,85). Trong đó, việc “Khuyến khích GV đa dạng hoá các hình thức GDGTS phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS” được các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thực hiện thường xuyên và khá hiệu quả (Mức độ thực hiện: ĐTB = 4,07; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,85). Thực hiện công tác quản lý này, hiệu trưởng sẽ giúp GV có thể lựa chọn hình thức phù hợp với từng nhóm HS, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển của các em. Khi các hình thức GDGTS đa dạng và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của HS, các em sẽ cảm thấy hứng thú và có động lực tham gia vào các hoạt động. Điều này giúp tăng cường hiệu quả giáo dục và sự tham gia tích cực của HS.

Tiếp theo, các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cũng đã thường xuyên thực hiện và thực hiện khá hiệu quả việc “Chỉ đạo bồi dưỡng cho GV các hình thức GDGTS phù hợp với nội dung, phương pháp, khả năng tiếp nhận của HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,99; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,51). Việc bồi dưỡng giúp GV hiểu rõ và áp dụng hiệu quả các phương pháp GDGTS hiện đại và phù hợp nhất. Điều này giúp nâng cao chất lượng giáo dục và đảm bảo rằng HS nhận được sự giáo dục toàn diện và sâu sắc. Bên cạnh đó, mỗi HS có khả năng tiếp nhận và phong cách học tập khác nhau. Bồi dưỡng GV về các hình thức GDGTS phù hợp giúp GV có khả năng đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập, rèn luyện đa dạng của HS, từ đó giúp các em tiếp thu kiến thức và GTS một cách hiệu quả nhất.

Các nội dung quản lý khác cũng được thực hiện thường xuyên và khá hiệu quả “Chỉ đạo việc lựa chọn hình thức GDGTS cho HS phù hợp với nội dung” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,89; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,61); “Tổ chức khảo sát, đánh giá hiệu quả của các hình thức GDGTS cho HS để điều chỉnh cho phù hợp” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,86; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,76). Tuy nhiên, các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk chưa thường xuyên thực hiện và thực hiện ít hiệu quả việc “Chỉ đạo các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, GV, nhân viên,... chuẩn bị các điều kiện cần thiết trong quá trình triển khai” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,28; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,20) và “Giám sát việc thực hiện các hình thức GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,28; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,06). Nguyên nhân có thể là do thiếu sự quan tâm và chỉ đạo chặt chẽ từ phía Ban giám hiệu và các cán bộ quản lý. Việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai GDGTS có thể chưa được coi trọng hoặc thiếu nguồn lực cần thiết. Thêm vào đó, công tác giám sát chưa được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, dẫn đến việc kiểm tra và đánh giá hiệu quả triển khai GDGTS còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu. Cũng có thể là do thiếu sự phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể, giáo viên và nhân viên trong việc triển khai, giám sát và hỗ trợ học sinh trong quá trình giáo dục giá trị sống.

3.5. Thực trạng quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Kết quả về thực trạng quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thể hiện như sau:

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý lực lượng tham gia tổ chức hoạt động GDGTS ở trường THCS

Stt	Quản lý lực lượng tham gia	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xác định các lực lượng (CBQL nhà trường, GV, CMHS...) tham gia tổ chức hoạt động GDGTS cho HS THCS.	3,36	0,714	2,79	0,927
2	Lập kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động GDGTS cho HS.	3,61	0,748	3,42	0,573
3	Phân công nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia GDGTS cho HS.	3,51	0,826	3,79	0,459
4	Triển khai, chỉ đạo việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động GDGTS cho HS.	3,49	0,689	3,85	0,581
5	Chỉ đạo điều chỉnh nhiệm vụ phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động GDGTS cho HS.	3,56	0,753	3,72	0,702
6	Kiểm tra, đánh giá việc phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động GDGTS cho HS.	4,10	0,586	3,92	0,668

Bảng 5 đã cho thấy công tác quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động GDGTS đã thực hiện từ bình thường đến thường xuyên (ĐTB từ 3,36 đến 4,10) và kết quả thực hiện từ ít hiệu quả đến khá hiệu quả (ĐTB từ 2,79 đến 3,92). Trong đó, việc “Kiểm tra, đánh giá việc phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động GDGTS cho HS” được thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả khá (Mức độ thực hiện: ĐTB = 4,10; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,92). Việc kiểm tra và đánh giá giúp xác định mức độ hiệu quả của sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường. Điều này đảm bảo rằng các hoạt động GDGTS được thực hiện đúng mục tiêu và mang lại kết quả tốt nhất cho HS. Quá trình kiểm tra và đánh giá giúp phát hiện sớm những vấn đề và hạn chế trong quá trình phối hợp giữa các lực lượng. Từ đó, nhà trường có thể đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời, tránh ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình GDGTS cho HS.

Tiếp theo, trong công tác quản lý lực lượng tham gia hoạt động GDGTS cho HS, các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã thường xuyên thực hiện và thực hiện khá hiệu quả việc “Lập kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,61; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,42). Việc lập kế hoạch giúp xác định rõ các vai trò và trách nhiệm của từng lực lượng tham gia, từ đó tạo ra một chương trình GDGTS toàn diện, bao phủ nhiều khía cạnh khác nhau trong sự phát triển của HS. Kế hoạch phối kết hợp giúp các lực lượng trong và ngoài nhà trường có cơ hội hợp tác chặt chẽ hơn. Sự hợp tác này đảm bảo rằng các hoạt động GDGTS được thực hiện đồng bộ và hiệu quả. Nội dung “Xác định các lực lượng (CBQL nhà trường, GV, CMHS...) tham gia tổ chức hoạt động GDGTS cho HS THCS” được CBQL và GV đánh giá mức độ thực hiện bình thường (ĐTB = 3,36) và thực hiện ít hiệu quả (ĐTB = 2,79). Nguyên nhân có thể là do thiếu sự phối hợp và phân công rõ ràng giữa các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động GDGTS trong trường học. Việc xác định cụ thể vai trò của từng cá nhân, tổ chức như cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh có thể chưa được chú trọng đúng mức. Điều này dẫn đến tình trạng thực hiện hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh không liên tục và thiếu sự hỗ trợ đầy đủ từ các bên liên quan. Thêm vào đó, sự thiếu sót trong việc giao nhiệm vụ và giám sát kết quả có thể khiến cho hoạt động này không đạt hiệu quả như mong muốn.

3.6. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Để làm rõ thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDGTS, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của CBQL và GV. Kết quả thu được ở bảng 6 dưới đây:

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý điều kiện hỗ trợ hoạt động GDGTS ở trường THCS

Stt	Quản lý điều kiện hỗ trợ	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng kế hoạch đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS.	4,06	0,643	3,91	0,686
2	Triển khai, chỉ đạo việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS.	3,86	0,641	3,75	0,682
3	Chỉ đạo bồi dưỡng cho GV, nhân viên sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS.	3,33	0,472	3,31	0,464
4	Huy động nguồn lực xã hội tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS.	3,75	0,479	3,77	0,468
5	Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS.	3,77	0,562	3,80	0,508
6	Chỉ đạo điều chỉnh việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS.	3,63	0,675	3,56	0,676

Kết quả khảo sát ở bảng 6 đã cho thấy công tác quản lý các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động GDGTS ở các trường THCS thành phố Buon Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk thực hiện từ bình thường đến thường xuyên (ĐTB từ 3,33 đến 4,06) và kết quả mang lại từ ít hiệu quả đến hiệu quả (ĐTB từ 3,31 đến 3,91). Cụ thể là:

Nội dung “Xây dựng kế hoạch đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS” được CBQL và GV đánh giá thực độ thực hiện thường xuyên (ĐTB = 4,06) và hiệu quả khá (ĐTB = 3,91). Cơ sở vật chất và kỹ thuật đúng đắn giúp tạo ra môi trường học tập an toàn, thuận tiện cho các hoạt động GDGTS. Điều này bảo đảm rằng các HS có thể tham gia vào các hoạt động một cách tự tin và an toàn. Bên cạnh đó, các cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện đại hỗ trợ việc thực hiện các hoạt động GDGTS một cách hiệu quả và sinh động hơn. Chất lượng giáo dục được nâng lên nhờ vào việc sử dụng các thiết bị, phương tiện phù hợp và tiên tiến.

Tiếp theo, nội dung “Triển khai, chỉ đạo việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS” cũng được đánh giá ở mức thực hiện thường xuyên và khá hiệu quả (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,86; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,75). Việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất và kỹ thuật phù hợp giúp đảm bảo rằng các hoạt động GDGTS được thực hiện trong môi trường an toàn, thuận lợi và hiệu quả. Điều này nâng cao chất lượng giáo dục và mang lại lợi ích lâu dài cho HS. Ngoài ra, việc triển khai đầu tư vào cơ sở vật chất và kỹ thuật giúp tối ưu hóa sử dụng nguồn lực, từ đó tiết kiệm chi phí và tăng cường hiệu quả trong quản lý và vận hành các hoạt động GDGTS.

Bên cạnh đó còn có các điều kiện khác cũng được đánh giá thực hiện thường xuyên và khá hiệu quả là: “Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,77; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,80); “Huy động nguồn lực xã hội tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,75; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,77); “Chỉ đạo điều chỉnh việc đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,63; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,56); “Nâng cao ý thức trách nhiệm của GV trong việc sử dụng kinh phí, cơ sở vật chất cho GDGTS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,49; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,42). Tuy nhiên, việc “Chỉ đạo bồi dưỡng cho GV, nhân viên sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,33; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,31) chỉ bình thường thực hiện và ít hiệu quả. Nguyên nhân có thể do việc bồi dưỡng chưa được tổ chức thường xuyên, thiếu kế hoạch cụ thể và nguồn lực hỗ trợ đầy đủ. Điều này dẫn đến việc giáo viên và nhân viên chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng và kiến thức để sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ tốt cho hoạt động giáo dục giá trị sống, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động GDGTS cho học sinh.

3.7. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường trung học cơ sở

Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời thực hiện các điều chỉnh cần thiết, từ đó đảm bảo thực hiện mục tiêu quản lý. Chúng tôi đã khảo sát và thu được kết quả như sau:

Bảng 7. Đánh giá của CBQL và GV về quản lý công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS ở trường THCS

Stt	Quản lý kiểm tra, đánh giá	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xác định các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động GDGTS của HS.	3,85	0,593	3,72	0,620
2	Xác định rõ mục đích yêu cầu kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS của HS.	4,02	0,651	3,92	0,678
3	Phổ biến và tập huấn các phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS cho lực lượng tham gia tổ chức hoạt động GDGTS cho HS.	4,14	0,589	4,03	0,676
4	Tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được của HS trong hoạt động GDGTS.	3,93	0,561	3,79	0,622
5	Kiểm tra việc thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động GDGTS cho HS.	3,69	0,584	3,59	0,619

Kết quả khảo sát ở bảng 7 cho thấy, quản lý công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện thường xuyên (với ĐTB dao động từ 3,69 đến 4,14) và mang lại hiệu quả khá (với ĐTB từ 3,59 đến 4,03). Trong đó, nội dung được đánh giá cao nhất là “Phổ biến và tập huấn các phương pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS cho lực lượng tham gia tổ chức hoạt động GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 4,14; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 4,03). Các phương pháp kiểm tra và đánh giá được phổ biến và tập huấn giúp đảm bảo tính khách quan và công bằng trong việc đánh giá kết quả hoạt động GDGTS của HS. Điều này giúp xác định được mức độ đạt được của từng HS một cách chính xác và công bằng. Việc sử dụng các phương pháp kiểm tra và đánh giá khoa học và chuyên nghiệp giúp nâng cao chất lượng hoạt động GDGTS. Thông qua đó, nhà trường có thể phản hồi kịp thời và điều chỉnh các hoạt động để cải thiện hiệu quả hoạt động GDGTS cho HS.

Tiếp theo là “Xác định rõ mục đích yêu cầu kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS của HS” được thực hiện thường xuyên và mang lại hiệu quả khá (Mức độ thực hiện: ĐTB = 4,02; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,92). Xác định rõ mục đích và yêu cầu của các hoạt động GDGTS giúp nhà trường và GV biết được mục tiêu cụ thể mà họ đang hướng đến. Điều này giúp tập trung các nỗ lực vào việc đạt được những kết quả mong muốn và đo lường được mức độ thành công của chương trình GDGTS. Hơn nữa, mục đích và yêu cầu rõ ràng giúp đảm bảo tính hợp lý và công bằng trong quá trình kiểm tra và đánh giá. Các tiêu chuẩn và tiêu chí được thiết lập trước giúp đánh giá mức độ đạt được của HS một cách khách quan và chính xác.

Ngoài ra, nhà trường cũng đã quan tâm đến việc “Tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được của HS trong hoạt động GDGTS” nhằm có thể thực hiện tốt việc kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện KNS của HS (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,93; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,79). Tiếp đến là “Xác định các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động GDGTS của HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,85; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,72) và “Kiểm tra việc thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động GDGTS cho HS” (Mức độ thực hiện: ĐTB = 3,69; Mức độ hiệu quả: ĐTB = 3,59).

Như vậy, qua phân tích kết quả khảo sát ở trên, chúng ta thấy công tác quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk cơ bản đã thực hiện thường xuyên và kết quả mang lại khá hiệu quả.

4. KẾT LUẬN

Bài viết đã phân tích, đánh giá về thực trạng quản lý hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Kết quả nghiên cứu đã làm rõ nhiều vấn đề về: thực trạng quản lý mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, lực lượng tham gia, điều kiện hỗ trợ; kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS cho HS. Theo kết quả của nghiên cứu này, các nội dung liên quan đến quản lý hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện từ tình trạng thoải mái đến thường xuyên và kết quả thực hiện từ ít hiệu quả đến khá hiệu quả. Trên cơ sở kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDGTS cho HS ở các trường THCS thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như sau: (1) Tổ chức nâng cao nhận thức cho CBQL, GV và CMHS về tầm quan trọng của hoạt động GDGTS cho HS ở trường THCS; (2) Kế hoạch hoá hoạt động GDGTS cho HS ở trường THCS; (3) Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động GDGTS cho HS ở trường THCS; (4) Chỉ đạo việc phối kết hợp các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động GDGTS cho HS ở

trường THCS; (5) Tăng cường kiểm tra, đánh giá hoạt động GDGTS cho HS ở trường THCS; (6) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động GDGTS ở trường THCS cho đội ngũ GV; (7) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL trong quản lý hoạt động GDGTS ở trường THCS; (8) Tổ chức các điều kiện hỗ trợ hoạt động GDGTS cho HS ở trường THCS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập 1). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn, C. K. (2012). *Phương pháp giáo dục giá trị sống – kỹ năng sống*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn, T. M. L., Đinh, T. K. T., & Đặng, H. M. (2011). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tillman, D. (2010). *Giá trị sống dành cho tuổi trẻ* (Đ. N. Khanh, T. Tùng, & M. Tươi, Dịch). Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần, T. L. T. (Chủ biên). (2015). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống 1, 2, 3, 4, 5* (Tập 1–2). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

The current state of managing life values education activities for students at secondary schools in Buon Ma Thuot city, Dak Lak province

Tran Thi Nhu Quynh

Nguyen Khuyen Primary and Lower Secondary School, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received 10 November 2024

Received in revised form 27 December 2024

Accepted 29 December 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

Life values

Management of life values education activities

Secondary school students.

Corresponding author:

Tran Thi Nhu Quynh

E-mail address:

nhuquynh28111997@gmail.com

ABSTRACT

This study aims to evaluate the current state of managing life values education activities for students at secondary schools in Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province. A total of 145 administrators and teachers voluntarily participated in this research. To collect data, a survey questionnaire was used, and the SPSS software was employed to calculate the mean and standard deviation. The research findings indicate that the management of life values education activities for students at secondary schools in Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province is mostly carried out from occasionally to frequently, with effectiveness ranging from low to moderate. Based on this current state, the article suggests several measures to improve the management of life values education activities for students at secondary schools in Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province.